

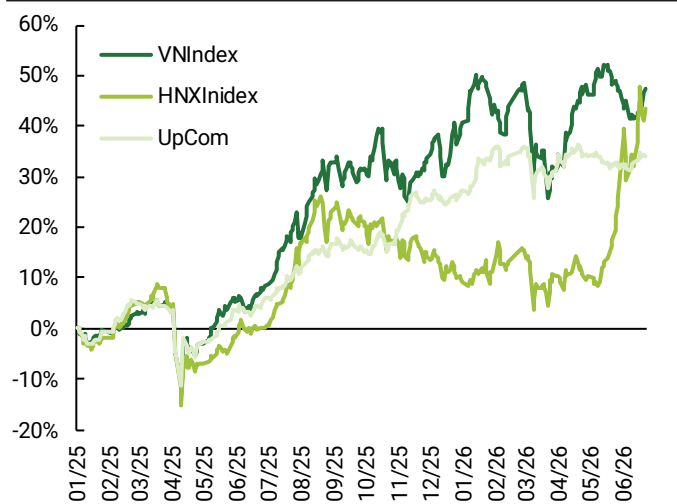
VN-Index **1869.04 (0.60%)**
1010 Tr. cổ phiếu 31096.7 Tỷ VND (111.91%)

HNX-Index **326.38 (1.66%)**
60 Tr. cổ phiếu 1132.6 Tỷ VND (50.13%)

UPCOM-Index **127.43 (-0.26%)**
54 Tr. cổ phiếu 936.2 Tỷ VND (102.05%)

VN30F1M **1991.40 (0.33%)**
204,326 HD OI: 32,398 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1869.0, tăng +11.1 điểm (+0.60%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. VN30 tăng +15.0 điểm (+0.76%); HNXIndex tăng +5.3 điểm (+1.66%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế trong giao dịch. Đà tăng được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup trong khi dòng tiền vẫn thận trọng nhất định. Nhóm Ngân hàng khởi sắc nhưng không giữ được đà về cuối phiên.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+0.4%), VIC (+4.2%) | Ngân hàng: VPB (+2.1%), TCB (+3.7%), LPB (+6.9%) | Công nghệ Thông tin: FPT (+0.3%), ELC (+2.2%). Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVP (-5.8%), PVT (-2.7%), TV2 (-2.6%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: GAS (-3.4%), NT2 (-1.5%) | Dịch vụ tài chính: HCM (-2.8%), VDS (-2.4%), EVF (-2.2%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-2.3%), SAB (-0.8%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, LPB, TCB, VPB, VHM - Chiều giảm | GAS, BSR, GVR, HPG, VPL.
Khối ngoại Mua ròng gần 1500 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, LPB, BID, trong khi bán ròng HPG, TCB, MWG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nền Shooting star, thu hẹp phần lớn mức tăng đạt được trong phiên. Thanh khoản cũng đồng thời vượt trên mức bình quân 20 phiên cho thấy cung bán chủ động khi chỉ số tiếp cận vùng cản 1880 - 1890 điểm. Diễn biến hiện tại biểu thị nỗ lực bứt phá chưa thành công và chỉ số nhiều khả năng cần hạ nhiệt tích lũy thêm quanh vùng 1850 điểm. Dù vậy, các chỉ báo động lượng vẫn duy trì xu hướng cải thiện, hàm ý các nhịp rung lắc kiểm định cung cầu có thể tiếp tục, hơn là chuyển sang trạng thái điều chỉnh mạnh.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Điểm cần lưu ý là độ rộng thị trường đang có dấu hiệu thu hẹp trở lại. Nếu số lượng cổ phiếu quay về kiểm định đáy ngắn hạn tiếp tục gia tăng, rủi ro nhịp phục hồi vừa qua chỉ mang tính kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá ở từng cổ phiếu để có chiến lược quản trị rủi ro phù hợp. Chiều mua mới chỉ phù hợp lướt sóng ngắn hạn (vào nhanh thoát nhanh) theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Chứng khoán, Điện.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Bán SAB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,869.0	0.6%	3.4%	-0.4%	31,096.7	111.9%	86.5%	39.1%	1,009.8	80.9%	49.9%	18.1%
HNX-Index	326.4	1.7%	2.1%	22.0%	1,132.6	50.1%	-22.6%	-15.8%	60.3	57.5%	-20.7%	-28.5%
UPCOM-Index	127.4	-0.3%	0.5%	1.4%	936.2	102.0%	153.1%	25.8%	53.9	124.8%	139.3%	-8.0%
VN30	1,995.1	0.8%	1.8%	-0.8%	23,368.0	185.5%	185.8%	110.7%	559.0	159.5%	110.5%	100.1%
VNMID	2,120.2	-1.4%	-2.4%	-2.8%	6,037.7	11.9%	-7.2%	-37.7%	300.3	25.1%	-1.8%	-39.6%
VNSML	1,340.8	-0.5%	-1.2%	-2.2%	912.1	62.1%	5.8%	2.1%	63.8	37.0%	1.8%	8.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	648.9	1.2%	1.21%	0.8%	15,434.8	360.0%	105.7%	154.9%	479.2	209.8%	69.7%	84.5%
Bất động sản	1,023.6	2.4%	12.9%	5.6%	5,851.8	90.3%	34.0%	49.3%	119.7	36.7%	19.1%	20.3%
Dịch vụ tài chính	313.2	-0.6%	-1.8%	0.7%	2,656.8	43.1%	5.7%	15.4%	123.0	38.2%	7.8%	12.6%
Công nghiệp	262.3	-0.8%	-2.2%	-6.5%	889.6	-0.6%	-15.5%	-5.3%	31.2	17.4%	-7.2%	11.6%
Tài nguyên cơ bản	512.8	-1.2%	-1.7%	-1.5%	790.9	142.5%	36.4%	36.6%	37.9	128.1%	37.5%	31.8%
Xây dựng - Vật Liệu	168.7	-1.4%	-1.4%	-1.8%	723.6	17.6%	-14.5%	4.3%	39.6	36.6%	-8.5%	5.7%
Thực phẩm	478.8	-0.5%	-7.6%	-26.2%	854.3	-46.8%	-16.8%	-17.1%	23.7	-28.6%	-7.6%	-5.0%
Bán Lẻ	1,412.3	-1.8%	-3.4%	-2.5%	704.7	72.6%	31.6%	18.5%	10.3	92.2%	43.5%	23.6%
Công nghệ	387.8	0.3%	-3.0%	-4.1%	498.1	-27.8%	-41.7%	-40.1%	7.7	-40.3%	-40.9%	-41.0%
Hóa chất	175.5	-2.4%	-2.8%	-4.9%	493.5	23.0%	29.8%	40.7%	16.2	28.4%	26.8%	42.2%
Tiện ích	750.5	-2.1%	-1.3%	-2.2%	477.9	17.1%	39.7%	49.1%	18.1	-26.1%	4.8%	28.9%
Dầu khí	102.5	-4.2%	-3.9%	-12.1%	675.8	47.0%	48.09%	45.3%	23.4	54.4%	50.2%	55.7%
Dược phẩm	406.6	-0.05%	-0.8%	-1.5%	35.2	-36.8%	24.2%	-43.2%	1.2	-30.7%	6.9%	-57.4%
Bảo hiểm	102.5	-1.5%	-1.5%	-5.9%	48.7	137.4%	79.3%	38.9%	0.9	114.6%	69.7%	4.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,869.0	0.60%	4.7%	15.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,541	-2.11%	22.3%	16.6x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,101	-0.25%	-29.4%	14.2x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,441	-1.29%	1.1%	15.6x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,126	1.51%	1.2%	9.2x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,106	-1.37%	3.5%	20.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	23,336	-1.82%	-9.0%	12.3x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,788	-3.55%	38.6%	26.6x	3.4x
S&P 500	Mỹ	7,473	-0.37%	9.2%	27.5x	5.7x
Dow Jones	Mỹ	51,713	0.29%	7.6%	24.9x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,405	-0.31%	4.8%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,237	-1.19%	7.7%	18.1x	2.6x
DXY		101.1	0.28%	2.9%		
USDVND		26,322	0.011%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

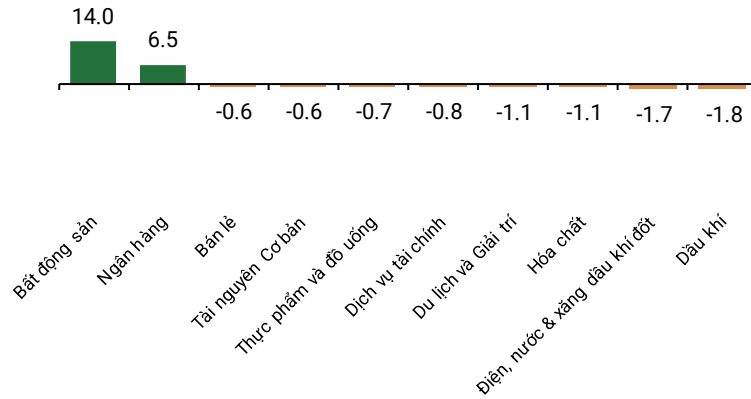
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-0.72%	-25.3%	27.1%	8.2%
Dầu WTI	-1.86%	-24.0%	27.9%	7.2%
Khí gas	-0.8%	11.0%	-12.5%	-12.8%
Than cốc (*)	0.0%	16.2%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	-0.3%	-2.1%	2.2%	4.4%
PVC (*)	-1.9%	-7.0%	-2.1%	-9.2%
Phân Urea (*)	-0.6%	-39.9%	8.0%	9.9%
Cao su thiên nhiên	-1.1%	1.4%	25.0%	39.5%
Bông Cotton	-2.8%	-5.6%	13.7%	14.3%
Đường	-0.3%	-9.5%	-11.3%	-17.0%
World Container Index	0.0%	46.4%	79.4%	21.0%
Baltic Dirty tanker Index	4.0%	-0.4%	65.0%	98.0%
Vàng	-1.44%	-8.4%	-4.4%	22.6%
Bạc	-3.77%	-17.1%	-12.6%	73.5%

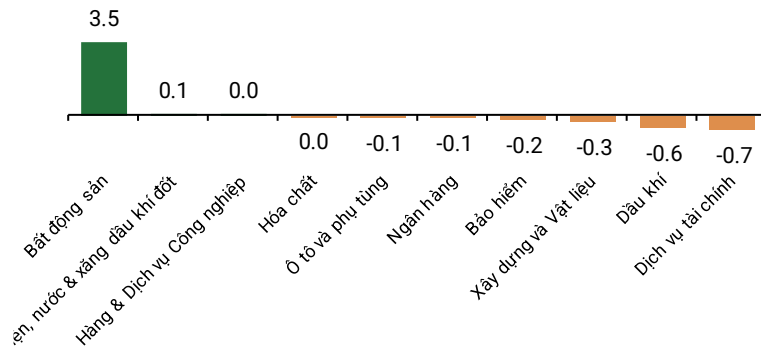
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

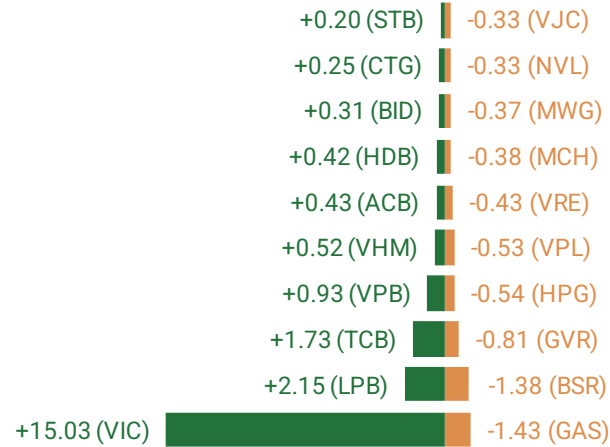
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



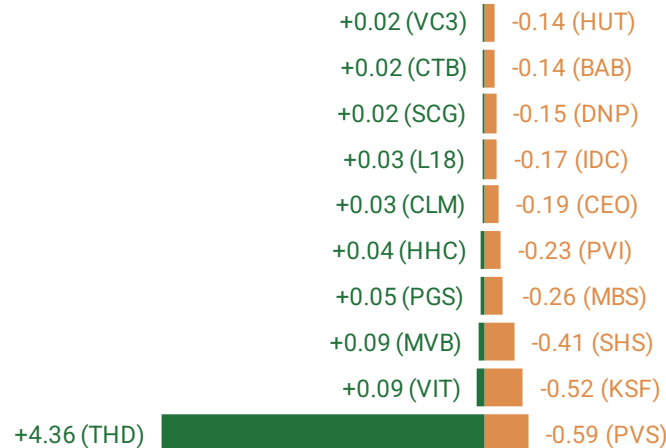
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

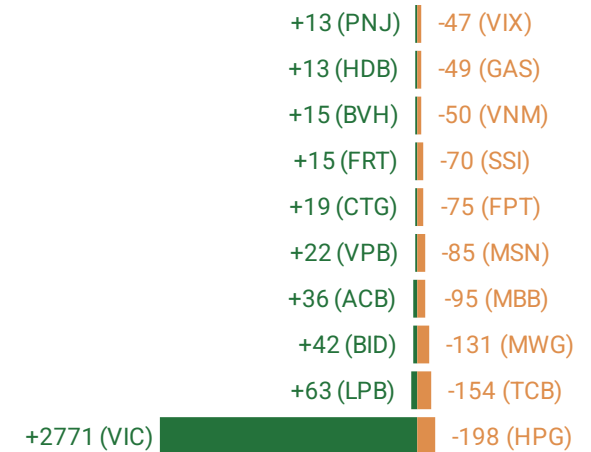


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

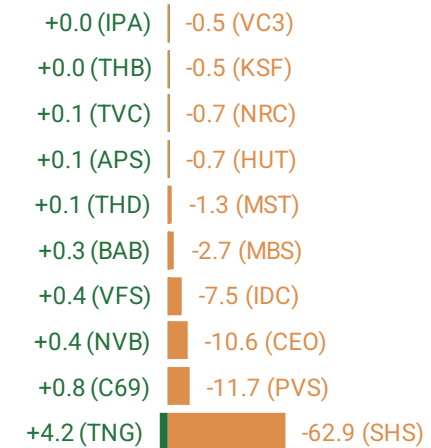


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

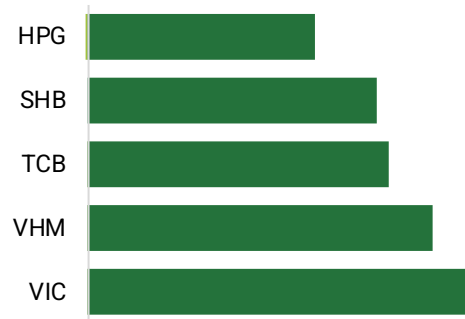
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



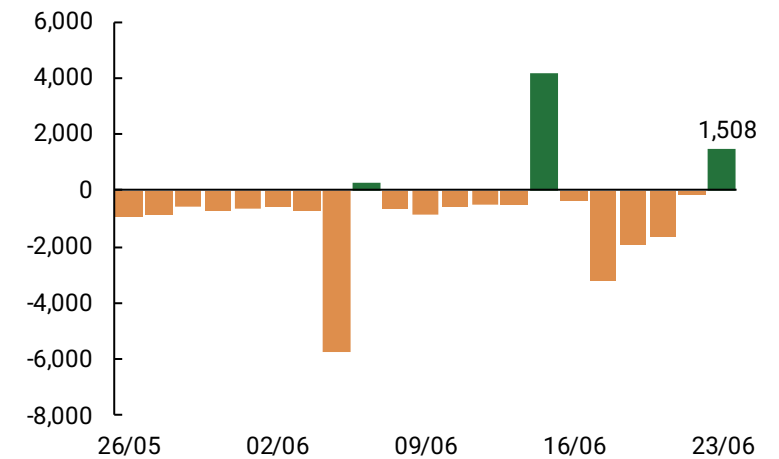
	VIC	VHM	TCB	SHB	HPG
%DoD	4.2%	0.4%	3.7%	0.0%	-1.3%
Giá trị	1,148	1,038	909	870	684

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	VIC	VJC	STB	HDB
%DoD	6.9%	4.2%	-1.4%	0.7%	1.6%
Giá trị	7,555	2,114	502	244	222

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



	SHS	PVS	CEO	MBS	IDC
%DoD	-3.7%	-4.5%	-3.2%	-1.9%	-1.7%
Giá trị	410	148	137	122	57

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	C69	KDM	VHE	TIG
%DoD	-1.3%	-0.5%	0.0%	3.0%	-1.5%
Giá trị	4	3	2	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Shooting star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index chứng lại khi tiếp cận kháng cự 1880 điểm cùng thanh khoản gia tăng, hàm ý cung bán chủ động. Vận động khả năng cần hạ nhiệt về quanh khu vực 1850 điểm để tích lũy thêm, trước khi quay lại thử thách vùng cản. Điểm sáng là các chỉ báo kỹ thuật vẫn giữ đà cải thiện, cho thấy tín hiệu kiểm định nghiêng về rung lắc hơn là điều chỉnh mạnh. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh ngưỡng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1940.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2050.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 bứt phá ngưỡng tâm lý 2000 điểm bất thành, bên cạnh đó, thanh khoản cũng tăng mạnh cho thấy cung bán chủ động. Chỉ số khả năng cần hạ nhiệt về khu vực 1960 điểm để tích lũy thêm động lực. Điểm sáng là các chỉ báo động lượng vẫn giữ đà cải thiện, có thể kỳ vọng nhịp điều chỉnh lành mạnh. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1945 điểm.

STRATEGY		Technical			Financial Ratio	
Ticker	SAB	Current price	47.8	P/E (x)	12.7	
Exchange	HOSE	Entry price	47.8 - 48.2	P/B (x)	2.7	
Sector	Brewers	Selling price	(24/6) 48 - 48.5	EPS	3754.4	
			0.5%	ROE	22.0%	
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá nhiều lần bứt phá thất bại ngưỡng 49.
 - MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng suy yếu
 - Thanh khoản tăng cho thấy cung bán chủ động.
 - Rủi ro cao hơn nếu giá phá vỡ dưới ngưỡng 47.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh chiếm ưu thế trở lại.
- ➔ Khuyến nghị Bán, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Bán	24/06/2022	47.8	48 - 48.5	0.5%	53	10.4%	45.5	-5.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.8	25.9 - 26.1	-4.6%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.3	63 - 63.5	-3.1%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	48.2	47.2 - 48	1.4%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	33.5	32.2 - 32.5	3.4%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.4	18.7 - 18.9	-2.1%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.2	16.1 - 16.4	0.0%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
7	DRI	Mua	18/06/2026	-	14.2	14.2 - 14.5	-1.4%	15.8	10.1%	13.6	-5.2%	
8	POW	Mua	19/06/2026	-	14.3	13.8 - 13.9	3.2%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	
9	NAB	Mua	22/06/2026	-	12.9	12.2 - 12.4	4.5%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1991.4, tăng 6.6 điểm (+0.3%). Giá giao dịch phần khởi trong phần lớn thời gian, nhưng lực cung đã chi phối mạnh hơn về cuối phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đảo chiều từ vùng quá mua, bên cạnh giá tạo mẫu hình nến Marubozu khi tiếp cận khu vực cản 2000 – 2005 cho thấy áp lực bán trở lại chi phối. Dù vậy, khu vực 1980 – 1990 cũng là vùng hỗ trợ gần, nơi cung cầu có thể tiếp tục giằng co kiểm định. Vị thế Short chỉ nên cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1985, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục mất ngưỡng 1970. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 2005.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1921, tăng 5.3 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 7.1 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 35 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1915 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1935 điểm.

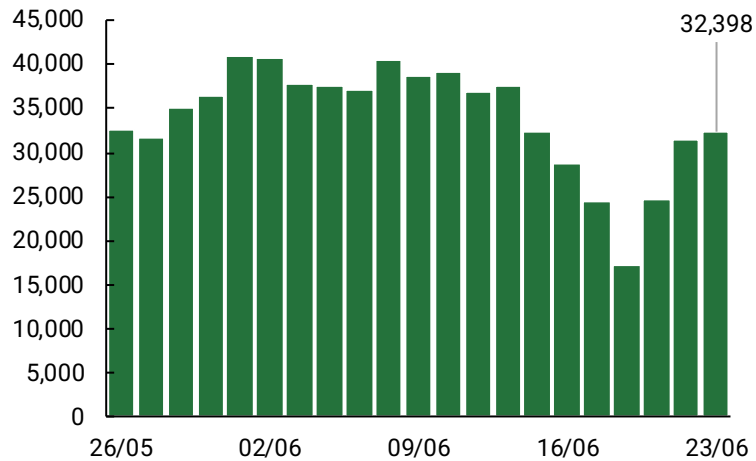
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2005	2020	1995	15 : 10
Short	< 1985	1975	1992	10 : 7
Short	< 1970	1955	1978	15 : 8

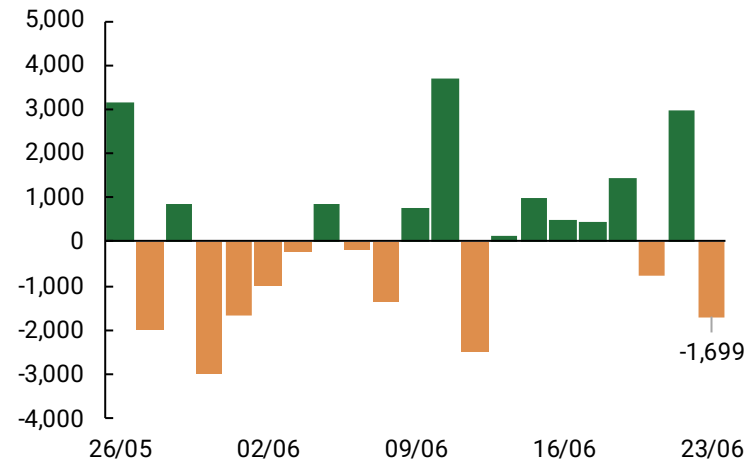
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,987.1	-2.4	644	660	2,009.8	-22.7	17/12/2026	177
4111G9000	1,992.9	7.4	87	598	2,002.2	-9.3	17/09/2026	86
4111G8000	2,000.5	17.5	433	277	1,999.9	0.6	20/08/2026	58
4111G7000	1,991.4	6.6	204,326	32,398	1,997.0	-5.6	16/07/2026	23
4112G7000	1,921.0	5.3	35	35	1,930.0	-9.0	16/07/2026	23

Khối lượng mở (Open interest)



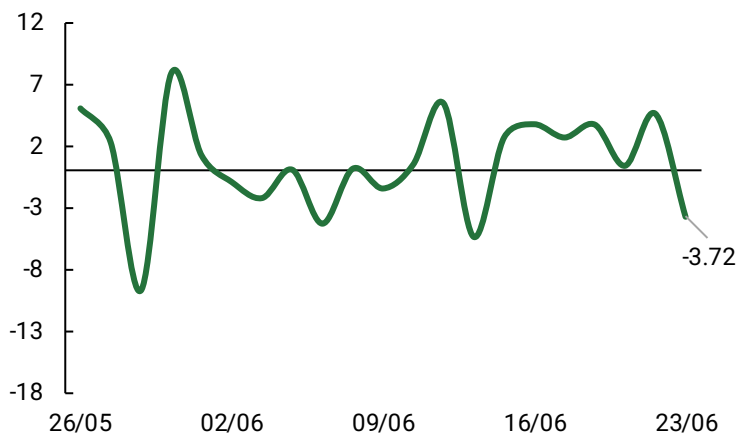
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



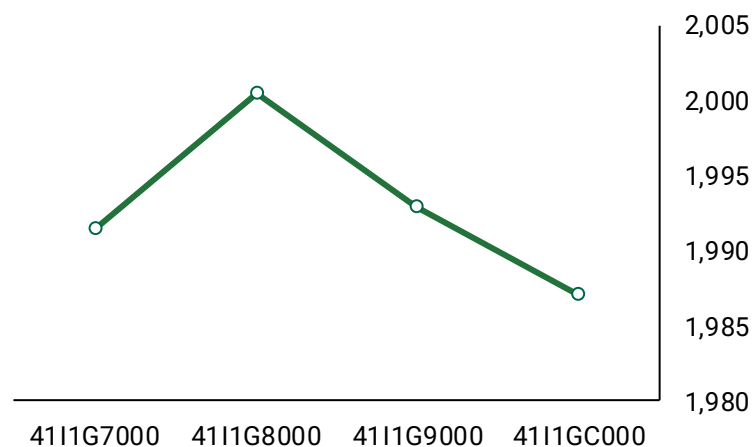
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



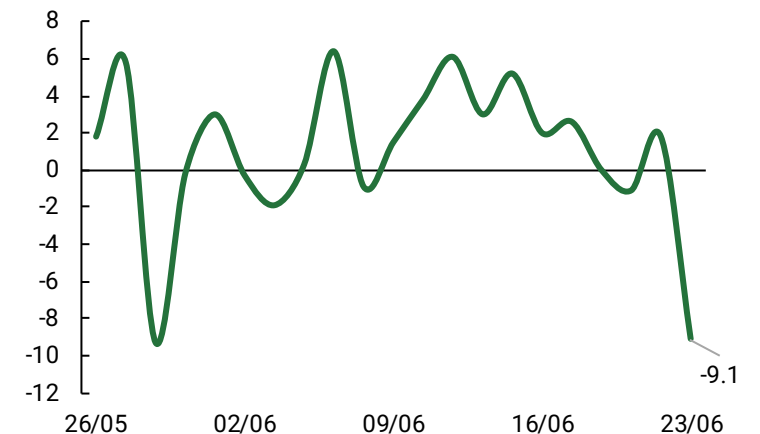
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

Fed phát tín hiệu có thể giữ nguyên lãi suất trong nhiều tháng: Tân Chủ tịch Fed Kevin Warsh chưa đưa ra tín hiệu rõ ràng về thời điểm điều chỉnh chính sách, dù một nửa số quan chức Fed cho rằng có thể cần tăng lãi suất trong năm nay. Thị trường hiện định giá khoảng 36% khả năng Fed nâng lãi suất vào cuối tháng 7. Giới phân tích cho rằng Fed có thể tiếp tục giữ nguyên lãi suất trong vài cuộc họp tới, trừ khi lạm phát hoặc thị trường lao động nóng lên rõ rệt.

Ngân hàng tăng mạnh phát hành trái phiếu, áp lực bổ sung vốn ngày càng lớn: Các ngân hàng đã phát hành hơn 61,000 tỷ đồng trái phiếu trong 5 tháng đầu năm 2026, riêng tháng 5 đạt khoảng 33,000 tỷ đồng. Lãi suất nhiều lô phát hành tăng lên 8.6–9%/năm, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn trong bối cảnh tín dụng tăng nhanh hơn huy động.

Mỹ tạm nói trừng phạt dầu Iran, giá dầu tiếp tục hạ nhiệt: Bộ Tài chính Mỹ ban hành lệnh miễn trừ 60 ngày đối với dầu thô và các sản phẩm hóa dầu Iran, sau khi đàm phán giữa hai nước đạt tiến triển về xuất khẩu dầu và bảo đảm hàng hải qua eo biển Hormuz. Thông tin này khiến giá Brent giảm hơn 3.5% xuống khoảng 77.7 USD/thùng, nhưng nguồn cung thực tế vẫn cần thời gian để phục hồi hoàn toàn.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

NVL - Công ty con chậm trả gần 919 tỷ đồng trái phiếu: Nova Saigon Royal, công ty con do Novaland sở hữu 100% vốn, chưa thanh toán đúng hạn hơn 918.5 tỷ đồng tiền gốc của lô trái phiếu trị giá 1,000 tỷ đồng do chưa thu xếp được nguồn tiền. Lô trái phiếu có lãi suất 10.5%/năm, được bảo đảm bằng 21.8 triệu cổ phiếu NVL và cam kết thanh toán của Novaland. Doanh nghiệp cho biết đang tiếp tục đàm phán với các trái chủ để xử lý nghĩa vụ nợ quá hạn.

GMD - Còn gần 1,000 tỷ đồng vốn huy động chưa giải ngân: Gemadept đã giải ngân 2,037 tỷ đồng trong tổng số hơn 3,014 tỷ đồng huy động từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2024, còn lại hơn 976 tỷ đồng chưa sử dụng. Phần vốn này dự kiến được dùng để đầu tư hai tàu container trọng tải 1,800 TEU và hai sà lan sức chở 248 TEU, nhằm tăng năng lực vận tải và mở rộng hệ sinh thái logistics của doanh nghiệp.

REE - Mở rộng vai trò Ủy ban Chiến lược, tiếp tục kế hoạch phát hành ESOP: REE dự kiến trình ĐHQĐ bắt thường phương án mở rộng quyền hạn của Ủy ban Chiến lược, đồng thời điều chỉnh cơ cấu HĐQT và kế hoạch phát hành 500,000 cổ phiếu ESOP. Bà Nguyễn Thị Mai Thanh dự kiến rời HĐQT nhưng tiếp tục làm Chủ tịch Ủy ban Chiến lược, trong khi ông Nguyễn Ngọc Thái Bình đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc từ ngày 10/7.

VNM - Giành 5 giải thưởng đổi mới sáng tạo ngành sữa toàn cầu: Vinamilk được vinh danh tại 5 hạng mục của World Dairy Innovation Awards 2026, sau khi có 17 sản phẩm lọt vào vòng chung kết. Các giải thưởng trải rộng từ dinh dưỡng trẻ em, dinh dưỡng chuyên biệt, sản phẩm sữa có hương vị đến kem và thiết kế bao bì, qua đó củng cố vị thế thương hiệu và năng lực đổi mới sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,800	73,400	39.0%	Mua
CTG	34,000	45,200	32.9%	Mua
CTD	71,400	82,900	16.1%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,500	68,000	34.7%	Mua
DDV	26,026	35,900	37.9%	Mua
DGW	39,100	47,500	21.5%	Mua
DPG	38,600	42,300	9.6%	Nắm giữ
DPR	39,450	46,500	17.9%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,151	17,200	21.5%	Mua
EVF	13,300	14,400	8.3%	Nắm giữ
FRT	128,800	157,600	22.4%	Mua
GMD	76,400	92,700	21.3%	Mua
HAH	53,000	60,300	13.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	21,050	30,900	46.8%	Mua
HHV	11,300	12,300	8.8%	Nắm giữ
HPG	23,300	30,700	31.8%	Mua
IMP	43,700	55,000	25.9%	Mua
KDH	21,950	38,800	76.8%	Mua
MCH	127,100	177,200	39.4%	Mua
MWG	76,000	115,600	52.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,800	34,000	37.1%	Mua
NLG	25,700	39,400	53.3%	Mua
NT2	22,800	27,700	21.5%	Mua
PHR	64,000	72,800	13.8%	Tăng tỷ trọng
PNJ	65,200	75,500	15.8%	Tăng tỷ trọng
PVS	37,800	39,900	5.6%	Nắm giữ
PVT	19,950	18,900	-5.3%	Giảm tỷ trọng
POW	14,300	15,000	4.9%	Nắm giữ
SAB	47,800	57,900	21.1%	Mua
SSI	26,850	32,100	19.6%	Tăng tỷ trọng
TLG	49,100	50,900	3.7%	Nắm giữ
TCB	32,050	41,700	30.1%	Mua
TCM	20,250	35,300	74.3%	Mua
TRC	76,300	94,800	24.2%	Mua
VCB	61,300	84,200	37.4%	Mua
VPB	26,550	36,500	37.5%	Mua
VCG	19,800	26,200	32.3%	Mua
VHC	58,500	60,000	2.6%	Nắm giữ
VNM	58,400	66,650	14.1%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801